DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI LẠI
ĐẦU RA TIẾNG ANH THÁNG 9/2021

STT	MASV	HỌ LÓT	TÊN	Ngày sinh
	1767010005	Lê Thị Quỳnh	Anh	05/06/1999
2	1767010082	Mai Thị	Phượng	12/10/1999
3	1767010041	Lê Mai	Uyên	17/06/1999
4	1767010046	Nguyễn Thị	Hoài	02/08/1999
5	1767010016	Lữ Thị	Hạnh	06/12/1999
6	1767010042	Lê Thị	Vân	07/12/1999
7	1767010013	Lê Thị	Giang	05/11/1997
8	1767010008	Đào Thị Thanh	Bình	13/09/1999
9	1767010019	Nguyễn Thị	Hậu	11/02/1999
10	1767010057	Lê Thị	Ngân	02/12/1999
11	1767010007	Phạm Thị	Bình	24/01/1999
12	1767010001	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/12/1999
13	1767010009	Bùi Thị Ngọc	Chiêu	18/12/1999
14	1767010031	Vũ Thị	Lan	26/09/1999
15	1767010063	Lê Thị Hồng	Nhung	28/08/1999
16	1767010029	Trương Thị	Kiều	22/08/1999
17	1767010035	Phan Yến	Nhi	17/12/1999
18	1767010039	Cù Phương	Thanh	21/08/1999
19	1767010077	Bùi Thị Quỳnh	Trang	10/10/1999
20	1767010069	Trần Thị	Thảo	09/05/1999
21	1767010032	Dương Thị Mỹ	Linh	29/11/1999
22	1763020043	Phạm Đức	Hải	
23	186C740002	Lê Phương	Anh	
24	186C740021	Trịnh Thị Phương	Thảo	
25	186C740017	Hồ Thị Mai	Phương	
26	1767010002	Trần Vân	Anh	07/07/1999
27	186C680019	Nguyễn Thị	Hương	
28	1769070007	Đinh Giang	Khánh	
29	1761030019	Lê Minh	Hiếu	
30	1769010131	Trịnh Thị Kim	Hiếu	
31	186C680028	Nguyễn Thị	Nhung	
32	186C680033	Trịnh Thị	Sen	
33	1668010033	Hoàng Thanh	Mạnh	

34	177901T040	Trương Thị Hồng	Nhung	
35	177901T038	Phạm Thị	Nga	
36	177901T033	Nguyễn Thị	Hương	
37	177901T034	Nguyễn Thị	Hường	
38	1763050008	Lê Đình	Đức	
39	146C740030	Hà Thị	Phương	
40	1569010159	Phạm Thị	Duyên	
41	1761030006	Nguyễn Văn	Biên	
42	1563020067	Lê Đình	Hiếu	
43	1563020008	Hoàng Thị	Hà	
44	177901T575	Nguyễn Thị	Ngân	
45	1769010129	Lê Thị Hồng	Hạnh	
46	1166010016	Lò Thị	Hạnh	
47	1569001225	Trương Thị	Hương	
48	186C680023	Nguyễn Trà	My	
49	1667010046	Bùi Đức	Chung	

STT	MASV	HỌ LÓT	TÊN	Ngày thi	Điểm	Đủ Đk
	197901T031	Phan Thị	Thủy	12/06/1998	Vắng	Vắng
	197901T013	Nguyễn Thị	Hằng	17/04/1997	Vắng	Vắng
	197901T507	Cao Thị Ngọc	Châm	28/12/1995	Vắng	Vắng
	147901T037	Phạm Thị	Quỳnh	7/26/1993		

Vắng	Vắng	**Vắng**	**20,21/3/2021-lt-ta**			
Vắng	Vắng	**Vắng**	**20,21/3/2021-lt-ta**			
Vắng	Vắng	**Vắng**	**20,21/3/2021-lt-ta**			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÓNG TIỀN THI LẠI TIẾNG ANH
Ngày thi:

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN	KÝ NỘP
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
18				
19				
20				
21				
22				
23				
24				
25				
26				
27				
28				
29				
30				
31				
32				
33				
34				

DANH SÁCH ĐIỀU KIỆN CHUẨN ĐẦU RA
NGOẠI NGỮ THEO KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC (THI LẠI)

STT	Mã sinh viên	Họ lót	tên	Ngày thi trước	Điểm	Đủ Đk
1	1761070016	Hàn Anh	Tú	04.01-05.01.20	**Vắng**	x
2	1567010035	Hoàng Thị	Hường	13.06.20-TA TL	**Vắng**	x
3	1769010046	Lê Thị Huyền	Thanh	13.06.20-TA TL	**3.0**	x
4	186C740008	Nguyễn Thị Thu	Hằng	05,06/12/2020 -CQ-TA	**Vắng**	x
5	1663020044	Trịnh Xuân	Sơn	13.06.20-TA TL	**Vắng**	x
6	186C680033	Trịnh Thị	Sen	05,06/12/2020 -CQ-TA	**2.5**	x
7	186C680015	Lê Thị	Hậu	05,06/12/2020 -CQ-TA	**5.0**	x
8	1761030026	Vũ Đức	Nam	04.01-05.01.20	**Vắng**	x
9	1761030019	Lê Minh	Hiếu	04.01-05.01.20	**Vắng**	x
10	1761030013	Trần Đại	Dương	04.01-05.01.20	**Vắng**	x
11	1861020004	Lê Thành	Nam	05,06/12/2020 -CQ-TA	Vắng	x
12	1863020004	Nguyễn Mạnh	Cường	05,06/12/2020 -CQ-TA	Vắng	x
13	186C680020	Đỗ Thị Lâm	Khuyên	05,06/12/2020 -CQ-TA	**5.0**	x
14	186C680021	Mai Thị	Linh	05,06/12/2020 -CQ-TA	**5.5**	x
15	186C680023	Nguyễn Trà	My	05,06/12/2020 -CQ-TA	**4.0**	x
16	186C680019	Nguyễn Thị	Hương	13,14.03.2021-CQ	**5.0**	x
17	186C680051	Lê Thị Thúy	Nga	13,14.03.2021-CQ	**6.0**	x
18	186C680048	Hà Thị	Thủy	13,14.03.2021-CQ	**5.0**	x
19	186C680008	Lê Thị	Dung	05,06/12/2020 -CQ-TA	**4.5**	x
20	1668010033	Hoàng Thanh	Mạnh	15.06.20-TA	**3.5**	x
21	1869000012	Lê Thị	Hiệp	13,14.03.2021-CQ	**3.5**	x
22	1869010085	Lê Thị Phương	Thảo	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
23	1869010097	Nguyễn Thị	Vân	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
24	1869010098	Văn Hải	Yến	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
25	1869010072	Trương Thị	Linh	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
26	1869010088	Phan Thị	Thùy	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
27	1869010080	Trương Thị Kiều	Oanh	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
28	1869010061	Vi Thị Hồng	Hạnh	13,14.03.2021-CQ	**3.5**	x
29	1869010054	Đỗ Thị	Châm	13,14.03.2021-CQ	**3.5**	x
30	146C740030	Hà Thị	Phương	13,14.03.2021-CQ	**4.5**	x
31	1769020018	Đào Thị	Nga	05,06/12/2020 -CQ-TA	**3.5**	x
32	1869010060	Nguyễn Thị Thu	Hà	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
33	1769000059	Ngân Ngọc	Huyền	13,14.03.2021-CQ	**3.5**	x
34	1764020009	Đỗ Ngọc	Cường	04.01-05.01.20	**Vắng**	x
35	186C680022	Lại Thị Kim	Loan	05,06/12/2020 -CQ-TA	**3.0**	x
36	186C680018	Vương Thị	Hương	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
37	186C680028	Nguyễn Thị	Nhung	13,14.03.2021-CQ	**6.0**	x
38	1869010074	Phạm Thị	Ly	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
39	1869010089	Nguyễn Thị	Thủy	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
40	1869010086	Ngân Thị	Thỏa	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
41	1869010076	Mai Thị	My	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
42	1869010093	Nguyễn Minh	Trang	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
43	1869010063	Nguyễn Thị	Hiền	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
44	1869010094	Lê Thị Huyền	Trang	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
45	1869010081	Phạm Thị	Phượng	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
46	1869010078	Lộc Thị	Nhi	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x

47	1869010079	Hoàng Thị Hồng	Nhung	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
48	1869010077	Lê Thị	Nga	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
49	1869010058	Bùi Thị Kim	Duyên	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
50	1869010066	Kim Thị	Hồng	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
51	1869010067	Lê Thị	Hương	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
52	1869010149	Nguyễn Thị	Thảo	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
53	1869010056	Nguyễn Thị	Dung	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
54	1869010090	Lê Thị	Trang	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
55	1869010087	Lê Thị	Thư	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
56	1869010062	Lê Thu	Hiền	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
57	1869010117	Hoàng Khánh	Huyền	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
58	1869010115	Phạm Thị	Huệ	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
59	1869010101	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	13,14.03.2021-CQ	**3.5**	x
60	1869010102	Lê Thị Phương	Anh	13,14.03.2021-CQ	**3.0**	x
61	1869010146	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	13,14.03.2021-CQ	**3.5**	x
62	1869010022	Trịnh Thị	Liên	13,14.03.2021-CQ	**3.0**	x
63	1869010138	Phạm Thu	Thủy	13,14.03.2021-CQ	**2.0**	x
64	1869010026	Nguyễn Thị	Ly	13,14.03.2021-CQ	**2.0**	x
65	1869010010	Phạm Thị	Hà	13,14.03.2021-CQ	**1.5**	x
66	1869010121	Lê Thị Thùy	Linh	13,14.03.2021-CQ	**1.5**	x
67	1763050008	Lê Đình	Đức	04.01-05.01.20	**vắng**	x
68	1869000037	Hà Thị	Trâm	13,14.03.2021-CQ	**2.0**	x
69	1869000024	Phạm Thị Trang	Nhung	13,14.03.2021-CQ	**vắng**	x
70	1763050001	Nguyễn Tuấn	Anh	13,14.03.2021-CQ	**2.0**	x
71	1569010225	Trương Thị	Hương	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
72	1763020006	Đỗ Huy	Đức	15.06.20-TA	**2.5**	x
73	186602CLC06	Lê Thị Hương	Lan	13,14.03.2021-CQ	**4.0**	x
74	186602CLC07	Vũ Đức	Nguyên	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
75	186602CLC10	Phạm Thị	Trang	13,14.03.2021-CQ	**3.5**	x
76	186602CLC12	Lê Thị Khánh	Vân	13,14.03.2021-CQ	**3.5**	x
77	186C680028	Nguyễn Thị	Nhung	05,06/12/2020 -CQ-TA	**4.5**	x
78	1769010216	Nguyễn Thị	Nhung	13,14.03.2021-CQ	**Vắng**	x
79	1866060002	Cao Hoàng	Gia	05,06/12/2020 -CQ-TA	**Vắng**	x
80	186C680006	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	05,06/12/2020 -CQ-TA	**5.0**	x
81	186C680010	Đinh Hà	Giang	05,06/12/2020 -CQ-TA	**4.0**	x
82	186C680054	Trần Thị Thúy	Hằng	05,06/12/2020 -CQ-TA	**Vắng**	x

Ghi chú
ĐH
ĐH
ĐH
CĐ
ĐH
CĐ
CĐ
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
CĐ
CĐ
CĐ
CĐ
CĐ
CĐ
CĐ
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
CĐ
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
CĐ
CĐ
CĐ
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH

ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
ĐH
CĐ
ĐH
ĐH
CĐ
CĐ
CĐ